

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 5)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, về giải thích một số điều của Luật quy hoạch; Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2020 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 59 của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý Vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua dự án “Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 243/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 về Bổ sung vào Điểm 7.3, Khoản 7, Điều 1 Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua dự án Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 5);*

*Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ Dự án điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày*

21/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh nội dung trong Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 26/9/2019;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3132/TTr-SXD ngày 10 tháng 05 năm 2022 (kèm theo báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 5), cụ thể như sau:

Bổ sung 02 (hai) mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường với tổng diện tích 31,87 ha, tài nguyên dự báo khoảng 1,75 triệu m<sup>3</sup>, trên địa bàn huyện Bá Thước và huyện Cẩm Thủy vào Khoản 5, Điều 1, Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; tầm nhìn đến năm 2030 (Danh sách tại Phụ lục kèm theo).

### **Điều 2.**

- Các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, để tổ chức, triển khai thực hiện theo quy định.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp 02 mỏ cát tại quyết định này vào Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Thanh Hóa trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Giao UBND huyện Bá Thước và UBND huyện Cẩm Thủy điều chỉnh, bổ sung mỏ cát trên địa bàn vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của địa phương theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh Thanh Hóa; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Các Bộ: XD, TN&MT, CT, KHĐT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh( để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục****Danh sách các mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường được bổ sung vào Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 5).**

(Kèm theo Quyết định số /UBND-QĐ ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

- Tổng số mỏ: 02.
- Diện tích: 31,87 ha.
- Tài nguyên dự báo: 1,75 triệu m<sup>3</sup>.

<b>STT</b>	<b>Khu mỏ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tài nguyên dự báo (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Ranh giới, tọa độ điểm góc của khu vực mỏ (X-Y; hệ tọa độ VN 2.000 múi chiếu 3<sup>0</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Mỏ cát xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	10,27	250.000	2247687,42-535129,71; 2247969,07-535269,20; 2248087,59-535296,49; 2248174,56-535383,81; 2248162,10-535556,13; 2248012,09-535527,26; 2247844,56-535423,00; 2247633,10-535178,42;	Bản đồ số 5.1
2	Mỏ cát xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy	21,6	1.500.000	2233184,2-552046,7 2233164,6-552251,8 2233064,4-552461,2 2232551,9-552943,6 2232376,2-552842,0 2232551,9-552602,5 2232656,6-552530,3 2232783,7-552422,8 2232870,6-552329,1 2233035,3-552184,2	Bản đồ số 5.2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31,87</b>	<b>1.750.000</b>		